

Bản số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 12 - 2024

V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Vân

Bà Vũ Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thúy Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 195/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960/ có mặt.

Nơi thường trú: Xóm H, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông **Hoàng Văn B**, sinh năm 1961/ vắng mặt lần thứ hai.

Nơi thường trú: Xóm H, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N và ông Hoàng Văn B kết hôn năm 1982, đến tháng 9 năm 2023 mới đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến năm 1997 thì ông B bỏ vợ con vào tỉnh Đắk Lắk làm ăn. Khoảng 10 năm sau ông B về thăm vợ con xong lại đi luôn. Đến tháng 8 năm 2023 lại trở về với bà và làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do vợ chồng đã sống ly thân nhiều chục năm nên tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, tính tình không còn hợp nhau, không thể hòa hợp, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết.

Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại hơn 20 năm, mục đích hôn nhân

không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Hoàng Thị Q, sinh năm 1983, Hoàng Thị Q1, sinh năm 1986, Hoàng Thị K, sinh năm 1989 và Hoàng Thị A, sinh năm 1991. Bà Nguyễn Thị Như K1 yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì các con đều đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Bà Như không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn là ông Hoàng Văn B: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông Hoàng Văn B để thông báo về việc thụ lý vụ án và đề ông Hoàng Văn B đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên ông Hoàng Văn B không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là ông Hoàng Văn B, bị đơn hiện cư trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, niêm yết hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông Hoàng Văn B đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hoàng Văn B không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 1997 ông B bỏ mặc bà N cùng các con vào tỉnh Đắk Lắk làm ăn. Khoảng 10 năm sau ông B mới về thăm vợ con xong lại đi luôn, đến tháng 8 năm 2023 ông B lại trở về với bà. Tuy nhiên do vợ chồng đã sống ly thân quá lâu nên tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng không

thể giải quyết. Vợ chồng hiện nay lại tiếp tục sống ly thân (bà N hiện đi ở với các con), hai người không còn quan tâm đến nhau, quan tâm đến cuộc sống chung. Tại phiên Tòa bà N kiên quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông Hoàng Văn B không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để giải quyết. Hội đồng xét xử đã động viên bà N suy nghĩ, xem xét quay về đoàn tụ vợ với ông Hoàng Văn B để tuổi già có nhau nhưng bà N vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm vợ chồng với ông Hoàng Văn B đã hết. Xét thấy bà N và ông Hoàng Văn B không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hoàng Văn B.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Như K1 yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì các con đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, đã có gia đình riêng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Như K1 yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi được miễn án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N, cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Hoàng Văn B.

[2]. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vì các con đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, đã có gia đình riêng.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi được miễn án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Hoàng Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu VT, HSVA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Như